CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1

Ngày 31/12/2024	69,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-4.4%**	**36.4%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	38,000 - 90,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,070
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.89)
EPS	1,313
P/E	52.6

DT thuần
Q4/24
377
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 41.0| 12.2%
YoY: ▲ 109| 40.7%

LN thuần
Q4/24
13.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.98| 56.3%
YoY: ▲ 10.9| 358%

LN sau thuế
Q4/24
11.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.78| 52.3%
YoY: ▼7.80| -41.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
4.4%
YoY: +/-▼ 4.5%

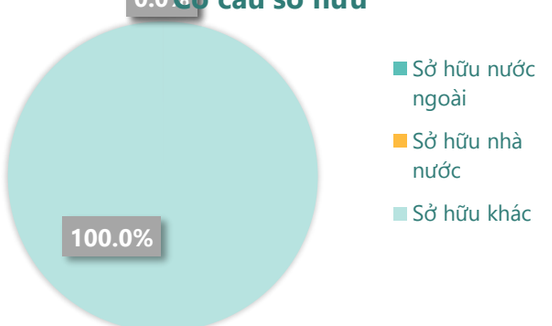
ROE
2024
8.5%
YoY: +/-▲ 5.6%

DT thuần
2024
1,326
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 715| 117%

LN thuần
2024
49.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.5| 964%

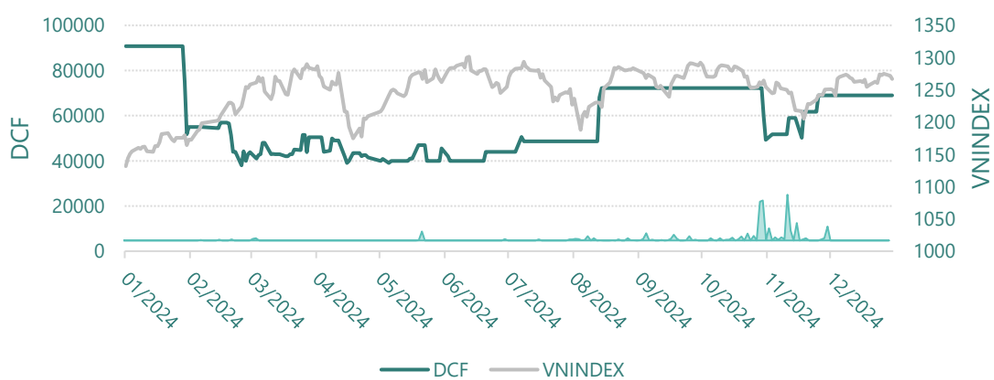
LN sau thuế
2024
39.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.8| 272%

Cơ cấu sở hữu

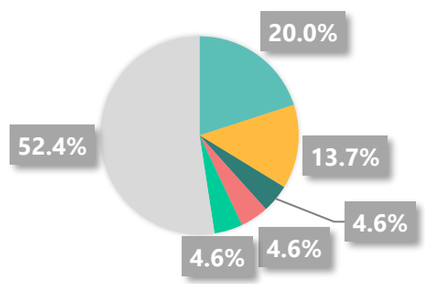


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

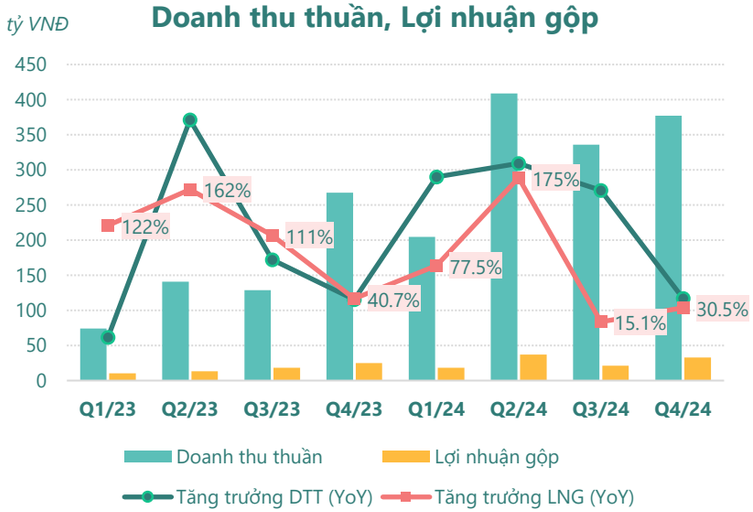


- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thái Hưng Long
- Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu - Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ
- Nguyễn Thị Thùy Linh
- Trần Thị Bình An (Trưởng ban kiểm soát)
- Phạm Hùng Cường (Chủ tịch HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

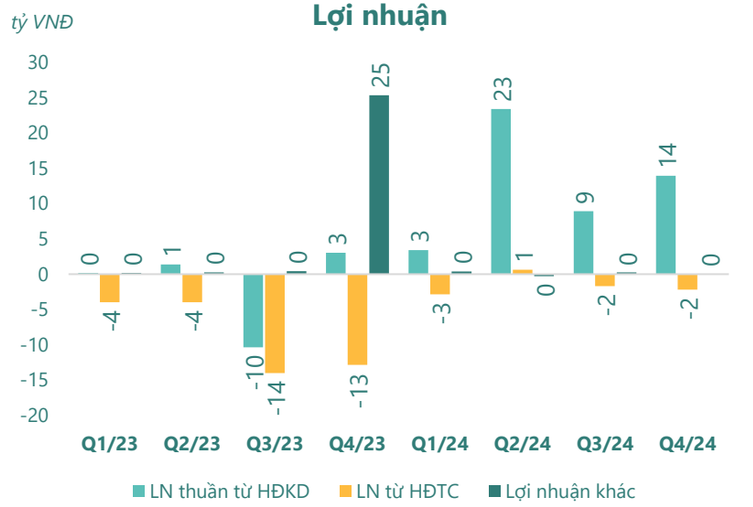
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



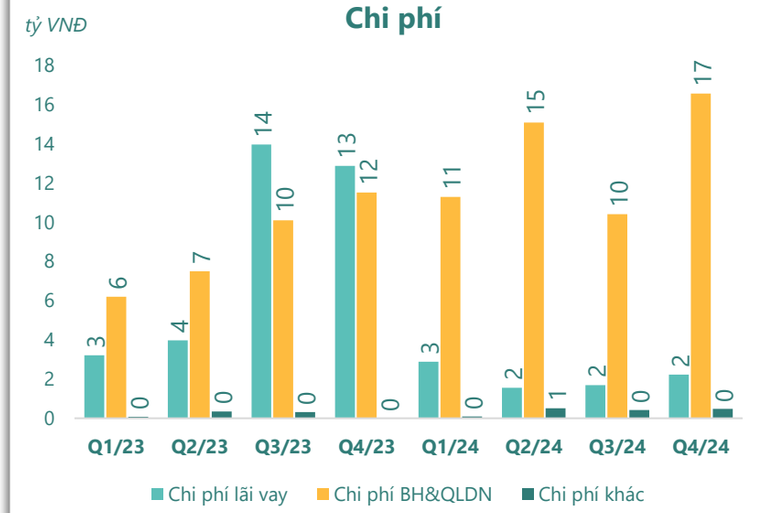
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



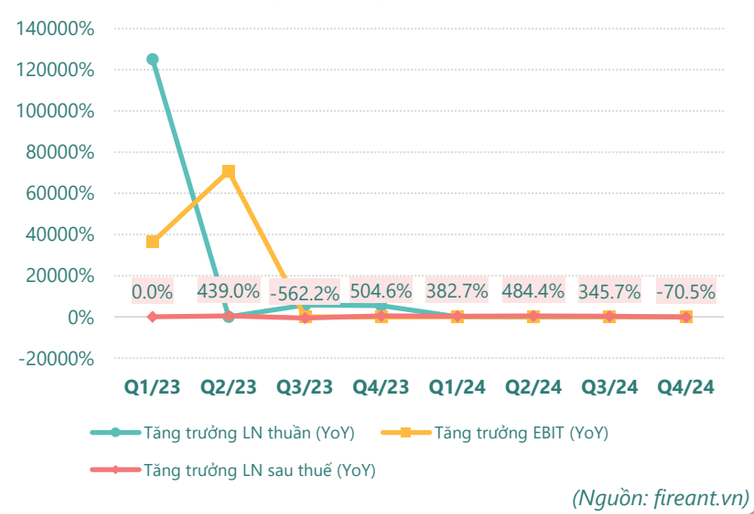
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



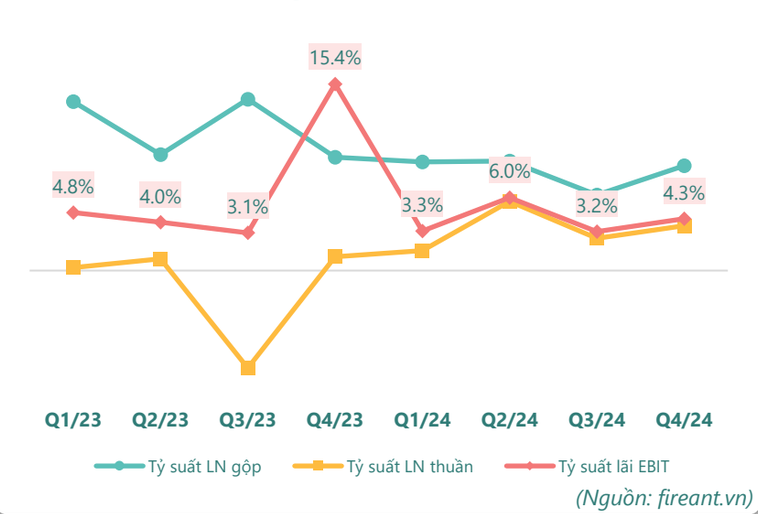
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



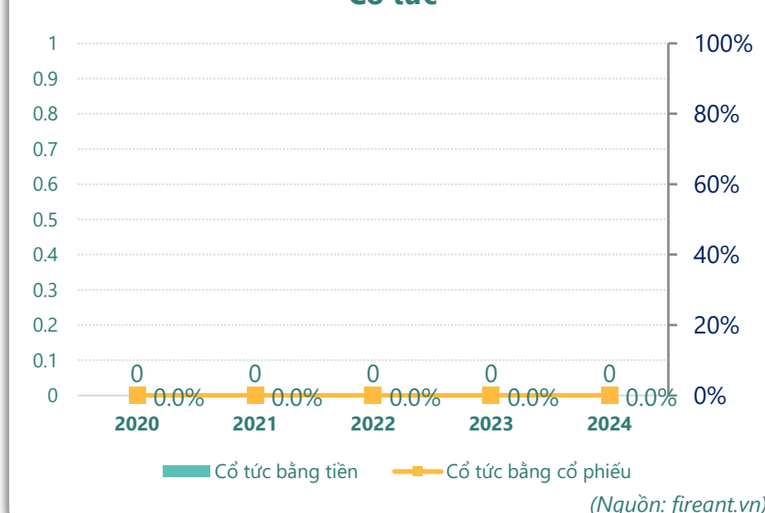
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

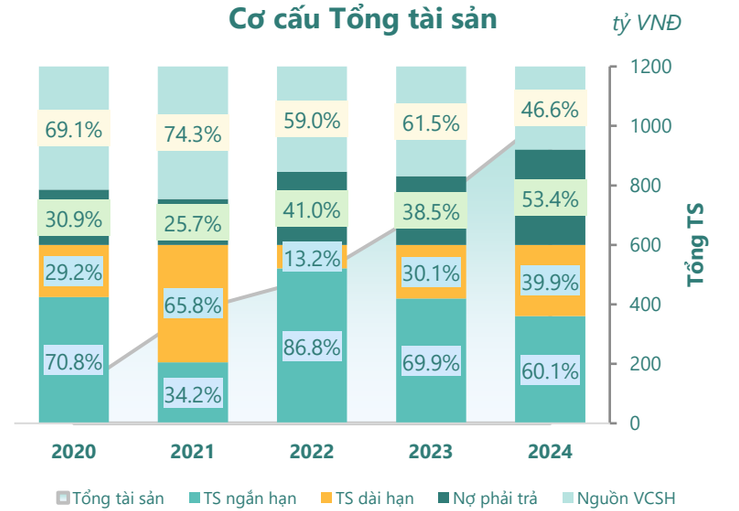
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

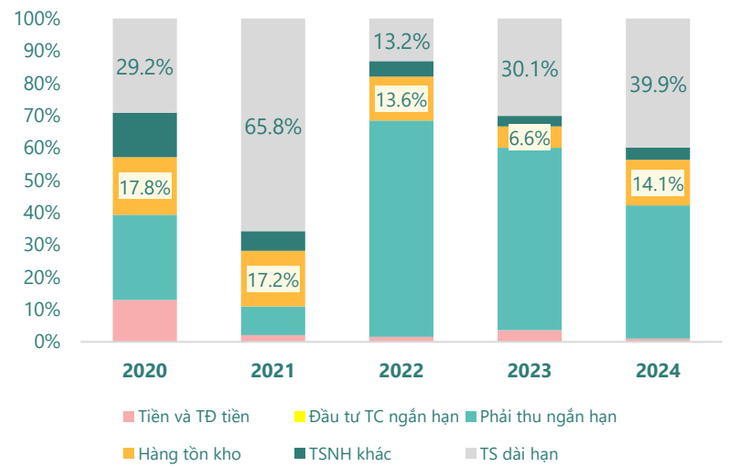
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



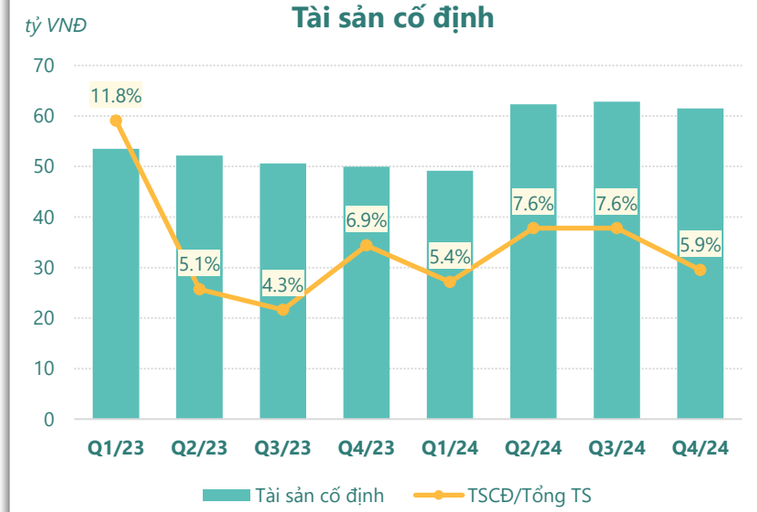
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



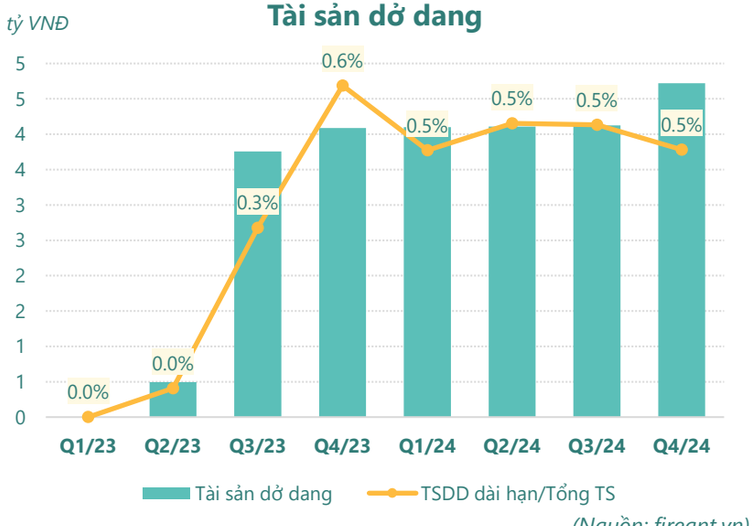
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



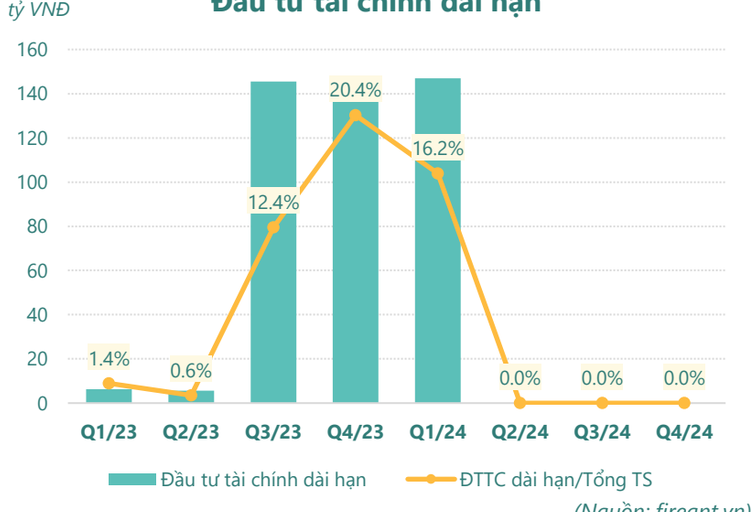
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



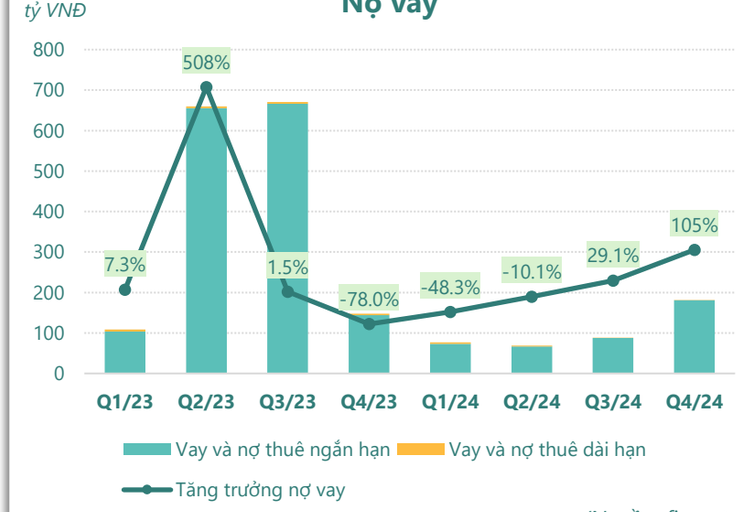
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

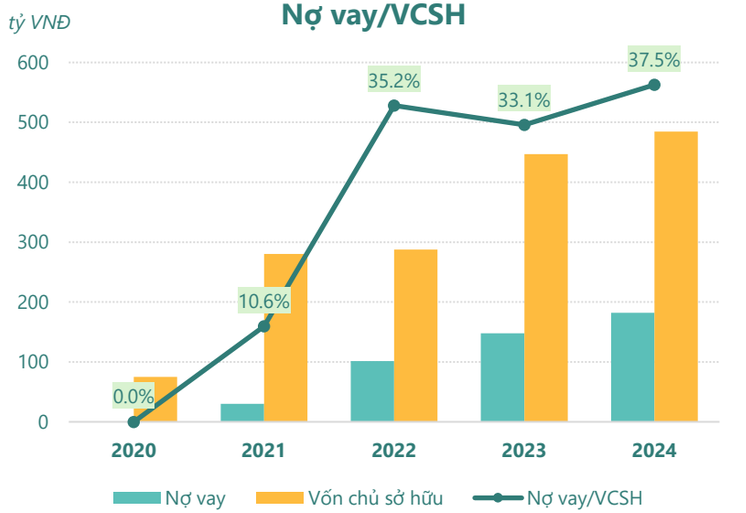
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

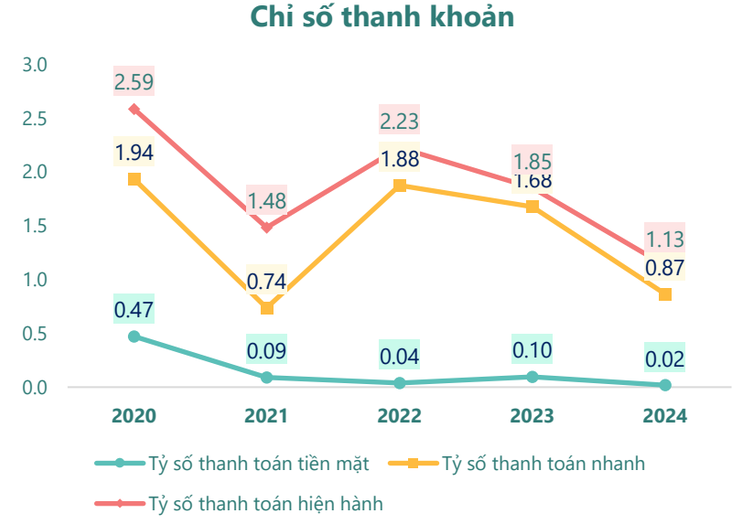
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



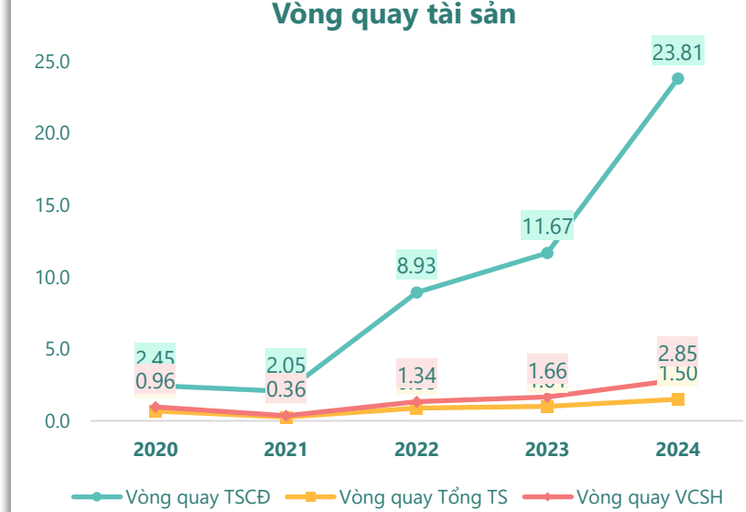
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



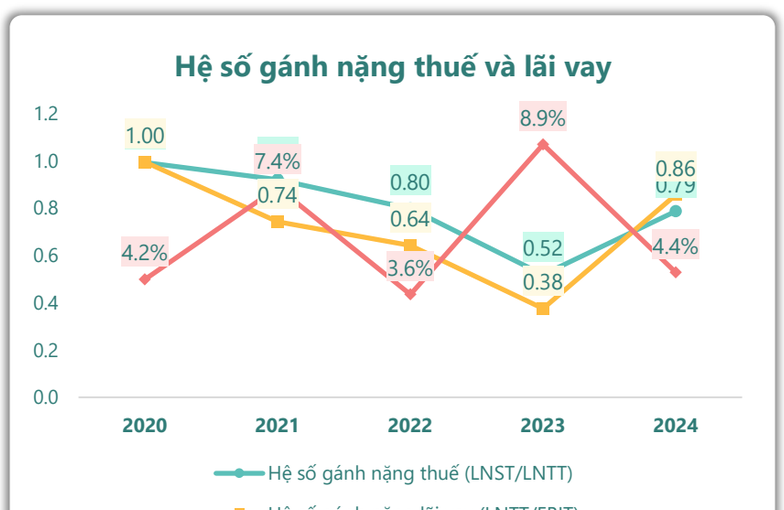
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



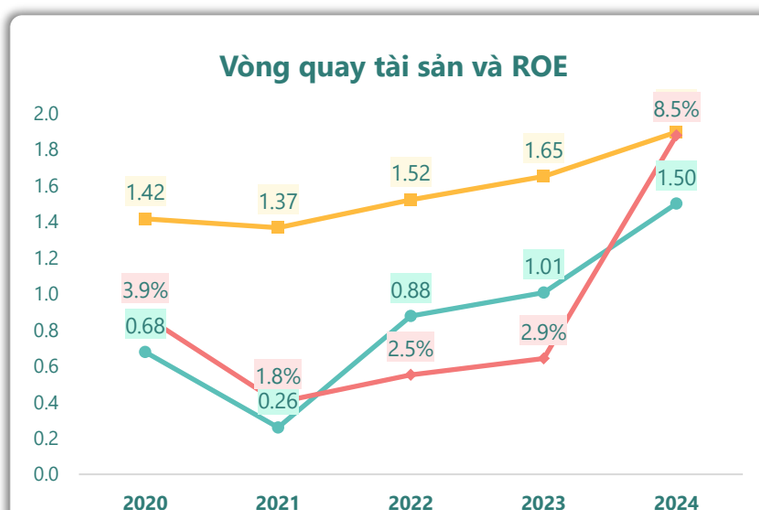
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



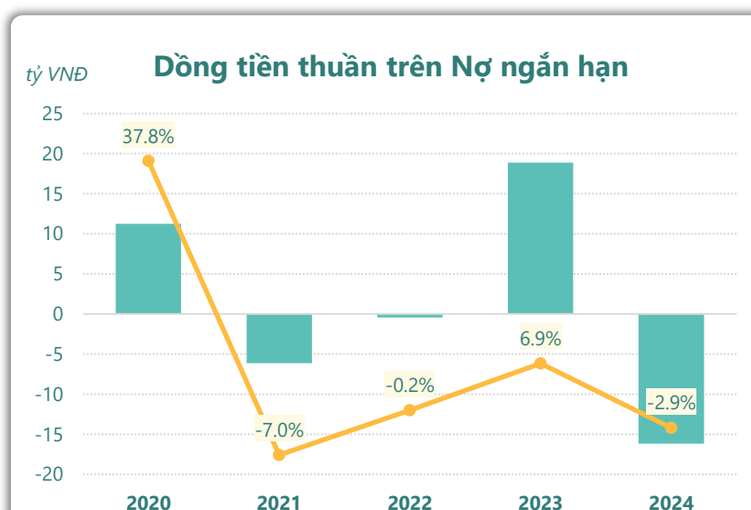
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**377**	**268**	**40.7%**	**1,326**	**611**	**117%**
Giá vốn hàng bán	344	242	42.3%	1,217	544	124%
Lợi nhuận gộp	32.7	25.1	30.3%	109	67.2	62.5%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	93.9%	0.10	0.11	-11.4%
Chi phí TC	2.23	12.9	-82.7%	6.21	35.6	-82.5%
Chi phí lãi vay	2.23	12.9	-82.7%	8.37	34.0	-75.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**2.37**	**-100%**	**0**	**-2.16**	**100%**
Chi phí bán hàng	0.11	0.12	-11.4%	0.59	0.44	34.8%
Chi phí QLDN	**16.5**	**11.4**	**44.4%**	**52.8**	**34.9**	**51.4%**
LN thuần từ HĐKD	13.9	3.04	358%	49.7	-5.75	964%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**25.3**	**-99.9%**	**0.37**	**26.2**	**-98.6%**
LN trước thuế	14.0	28.4	-50.9%	50.0	20.4	145%
Lợi nhuận sau thuế	**11.1**	**18.9**	**-41.0%**	**39.4**	**10.6**	**272%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.1**	**18.9**	**-41.0%**	**39.4**	**10.6**	**272%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.8	545	93.0	-4.63	-23.8	-97.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-148	-0.67	-0.36	-14.5	-1.84	-0.74
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	160	-523	-71.3	-7.74	20.0	93.2
Tiền đầu kỳ	14.5	4.54	26.4	47.8	20.9	15.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.98**	**21.9**	**21.4**	**-26.9**	**-5.61**	**-5.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.54	26.4	47.8	20.9	15.3	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,041**	**726**	**43.3%**
Tài sản ngắn hạn	626	508	23.3%
Tiền và tương đương tiền	10.2	26.4	-61.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	429	409	4.8%
Hàng tồn kho	147	48.2	205%
Tài sản ngắn hạn khác	39.9	23.7	68.2%
Tài sản dài hạn	**415**	**219**	**89.9%**
Phải thu dài hạn	315	0.26	119942%
Tài sản cố định	61.5	49.9	23.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.72	4.09	15.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	148	-100%
Tài sản dài hạn khác	**33.5**	**16.4**	**104%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	556	279	99.1%
Nợ ngắn hạn	**554**	**274**	**102%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	144	25.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	250	68.3	266%
Nợ dài hạn	2.78	5.52	-49.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.78	3.52	-77.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**485**	**447**	**8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**485**	**447**	**8.5%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)